

Bản án số: 81/2024/DS-ST

Ngày: 22-5-2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng góp hội”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Hồng Hạnh.

**- Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Nguyễn Hồng Vân.

2. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đoàn Ngọc Huỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri – Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Kim Chúc - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 267/2023/TLST-DS ngày 09/10/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hội” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2024/QĐST - DS ngày 01 tháng 4 năm 2024 (Quyết định hoãn phiên tòa số: 56/2024/QĐST - DS ngày 24 tháng 4 năm 2024) giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị A, sinh năm 1968;

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Trần Chí T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre (có mặt);

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1981 (có mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Lê Quốc T, sinh năm 1977 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện ngày 21/6/2023, đơn khởi kiện bổ sung ngày 21/02/2024 và trong quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Bùi Thị A tham gia chơi hội do chị Nguyễn Thị L làm chủ hội:

Dây hội khui ngày 30/01/2020 âm lịch, loại hội 3.000.000 đồng (mỗi tháng khui 01 lần) 25 phần, bà A tham gia 01 phần, đóng được 17 lần (ngày 05/02/2020 đến ngày 05/5/2021 âm lịch) số tiền 37.350.000 đồng.

Dây hội khui ngày 30/5/2020 âm lịch, loại hội 5.000.000 đồng (mỗi tháng khui 01 lần), 25 phần, bà A tham gia 01 phần, đóng được 12 lần (ngày 05/6/2020 đến ngày 05/5/2021 âm lịch) số tiền 41.400.000 đồng.

Tổng 02 dây hội là 78.750.000 đồng, chị L trả được 10.000.000 đồng nên còn 68.750.000 đồng.

Nay bà A yêu cầu chị Nguyễn Thị L và anh Lê Quốc T liên đới trả tiền hội 68.750.000đ, tiền lãi 14.265.000đ. Tiền lãi được tính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/01/2024 với mức lãi suất 0.83%/tháng.

*\* Theo bản tự khai ngày 08/8/2023 và trong quá trình tố tụng bị đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:*

Chị thống nhất các dây hội bà A tham gia:

Dây hội khui ngày 30/01/2020 âm lịch, loại hội 3.000.000 đồng (mỗi tháng khui 01 lần) 25 phần, bà A tham gia 01 phần, đóng được 17 lần (ngày 05/02/2020 đến ngày 05/5/2021 âm lịch) số tiền 37.350.000 đồng.

Dây hội khui ngày 30/5/2020 âm lịch, loại hội 5.000.000 đồng (mỗi tháng khui 01 lần), 25 phần, bà A tham gia 01 phần, đóng được 12 lần (ngày 05/6/2020 đến ngày 05/5/2021 âm lịch) số tiền 41.400.000 đồng.

Tổng 02 dây hội là 78.750.000 đồng, chị đã trả được 10.000.000 đồng nên còn 68.750.000 đồng.

Tại Tòa:

*\* Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Dây hội khui ngày 30/01/2020 âm lịch, loại hội 3.000.000 đồng (mỗi tháng khui 01 lần) 25 phần, dây hội mãn vào tháng 12/2021. Bà A chơi 01 phần, đóng được 17 lần (ngày 05/02/2020 đến ngày 05/5/2021 âm lịch) số tiền 37.350.000 đồng.

Dây hội khui ngày 30/5/2020 âm lịch, loại hội 5.000.000 đồng (mỗi tháng khui 01 lần), 25 phần, dây hội mãn vào ngày 30/6/2022. Bà A chơi 01 phần, đóng được 12 lần (ngày 05/6/2020 đến ngày 05/5/2021 âm lịch) số tiền 41.400.000 đồng.

Tổng 02 dây hội là 78.750.000 đồng, chị L trả được 10.000.000 đồng vào tháng 6, 7, 8, 9, 10 năm 2021 nên còn 68.750.000 đồng.

Nguyên đơn bà Bùi Thị A yêu cầu bị đơn chị Nguyễn Thị L, người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan anh Lê Quốc T liên đới trả số tiền hui 68.750.000 đồng và số tiền lãi 15.977.000 đồng (tính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/4/2024, mức lãi suất 0.83%/tháng). Trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ thì yêu cầu tính lãi trong giai đoạn thi hành án

*\* Bị đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:* Chị thừa nhận thiếu số tiền hui của bà A là 68.750.000 đồng. Số tiền này không liên quan đến anh Tuấn, chị gồm tiền hui viên khác từ từ trả cho bà A. Chị xin không phải chịu tiền lãi.

*\* Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát:*

Về thủ tục: Trong quá trình tố tụng, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng. Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục phiên tòa. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật, riêng anh Tuấn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do.

Về nội dung: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả số tiền hui 68.750.000 đồng. Bị đơn thừa nhận tiền hui của nguyên đơn, đây là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc đôi bên chơi hui là hui có lãi, bị đơn vi phạm thì phải chịu một phần lãi suất theo quy định tại Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ. Qua xác minh thể hiện chị L tổ chức chơi hui trong thời kỳ hôn nhân với anh Tuấn. Do đó, áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự; Điều 18, 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ và Điều 27, 37, 60 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A. Buộc chị L và anh Tuấn liên đới trả cho nguyên đơn số tiền hui 68.750.000 đồng và số tiền lãi 15.977.000 đồng (tính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/4/2024, mức lãi suất 0.83%/tháng).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Quốc T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh Tuấn là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị A yêu cầu bị đơn chị Nguyễn Thị L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Quốc T liên đới trả số

tiền hội 68.750.000 đồng và số tiền lãi 15.977.000 đồng (tính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/4/2024, mức lãi suất 0.83%/tháng). Trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ thì yêu cầu tính lãi trong giai đoạn thi hành án. Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguyên đơn bà Bùi Thị A và bị đơn chị Nguyễn Thị L thống nhất các đây hội, phần hội bà A tham gia và thống nhất số tiền hội còn thiếu là 68.750.000 đồng. Xét việc bà A tham gia chơi hội do chị L tổ chức chơi hội là trên cơ sở tự nguyện nhưng tháng 6/2021 chị L chấm dứt chơi hội mà không thanh toán tiền cho hội viên là vi phạm nên bà A khởi kiện yêu cầu trả số tiền hội là có căn cứ phù hợp theo Điều 471 Bộ luật dân sự. Chị L chậm thực hiện thanh toán tiền hội cho bà A nên bà A yêu cầu trả số tiền lãi chậm trả từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/4/2024 với mức lãi suất 0.83%/tháng là phù hợp theo Điều 18, 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ. Qua xác minh, chị L và anh Tuấn ly hôn vào năm 2002, đến ngày 09/10/2018 thì đăng ký kết hôn lại tại Ủy ban nhân dân xã Bảo Thạnh và đến ngày 18/5/2023 ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 99/2023/QĐST-HNGĐ của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri. Do đó, việc chị L tổ chức chơi hội là trong thời kỳ hôn nhân với anh Tuấn và việc chị L tổ chức chơi hội nhằm tạo thêm thu nhập phục vụ kinh tế gia đình nên anh Lê Quốc T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà A số tiền hội 68.750.000 đồng và số tiền lãi 15.977.000 đồng (tính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/4/2024, mức lãi suất 0.83%/tháng). Trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ thì phải chịu tiền lãi trong giai đoạn thi hành án.

[2] Xét quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Về án phí DS – ST: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn chị Nguyễn Thị L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Quốc T phải nộp  $(84.727.000 \text{ đồng} \times 5\%) = 4.236.000 \text{ đồng}$  theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, 468 Bộ luật dân sự; Điều 18, 23 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ; Điều 27, 37, 60 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị A. Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Quốc T liên đới trả cho nguyên đơn bà Bùi Thị A số tiền hui 68.750.000 đồng và số tiền lãi 15.977.000 đồng (tính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/4/2024, mức lãi suất 0.83%/tháng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí DS-ST: Bị đơn chị Nguyễn Thị L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Quốc T phải nộp 4.236.000 đồng (Bốn triệu hai trăm ba mươi sáu ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Hoàn trả cho nguyên đơn bà Bùi Thị A số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.110.000 đồng (Hai triệu một trăm mười ngàn đồng) theo biên lai số 0006539 ngày 07/9/2023 và biên lai số 0004155 ngày 05/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Quốc T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Thị Hồng Hạnh**